

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA ĐIỀU DƯỠNG

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP		
Mã học phần:	71NURC30163	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	241_71NURC30163_01		
Hình thức thi: Tiểu luận (Thuyết trình)	Thời gian làm bài:	1	ngày
☒ GV giao đề bài trong thời gian giảng dạy lớp học phần	☒ TT. Khảo thí thiết lập và giao đề bài trên hệ thống thi CTE theo lịch thi Phòng Đào tạo công bố		
☐ Cá nhân	☒ Nhóm	Số SV/nhóm:	03
Quy cách đặt tên file		Mã lớp học phần_Nhóm_MSSV_Ho và ten SV_Tên học phần	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa ứng xử phù hợp với môi trường sống và thực hành chăm sóc sức khỏe con người trong môi trường lâm sàng và cộng đồng	Tiểu luận có thuyết trình	20%	1 2 5.1 5.2		(PI 1.1)
CLO 2	Nhận định đúng vấn đề sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng để lập kế hoạch truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, nhóm và cộng đồng		55%	3		(PI 2.1), (PI 3.1)
CLO 3	Sử dụng hiệu quả phương tiện giao tiếp phù hợp trong làm việc nhóm, trong hoạt động giáo dục sức khỏe và trong những tình huống thông thường/đặc biệt của môi trường bệnh viện.		10%	5.2 5.3 5.4 5.5		(PI 6.1) (PI 6.2) (PI 8.1) (PI 8.2)
CLO 4	Sử dụng bằng chứng khoa học trong thiết kế tài liệu và triển khai hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng		10%	4		(PI 9.3)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
CLO 6	Chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng để thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường làm việc.		5%	2		(PI 10.1), (PI 12.2)

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Phần 1. Lập kế hoạch dự án truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2025.

Phần 2. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày.

1. Đặt vấn đề
2. Mục tiêu:
 - 2.1. Mục tiêu chung:
 - 2.2. Mục tiêu cụ thể:
3. Đối tượng truyền thông
4. Trọng tâm truyền thông
5. Địa điểm và thời gian thực hiện
6. Các hoạt động cụ thể
7. Tổ chức thực hiện
8. Tổng kinh phí
9. Tài liệu tham khảo

QUY ĐỊNH FORMAT BÀI NỘP

- + Sạch đẹp và đúng theo hướng dẫn về format bài làm.
- + Các lỗi cơ bản trong trình bày, lỗi chính tả sẽ bị trừ điểm
- Format theo trang A4 (210 x 297 mm);
- Portrait với Page Setup: Left: 2,0 cm; Right: 1,5 cm; Top: 1,5 cm và Bottom: 1,5 cm.
- Font: Times New Roman, size 12 (text chính), line spacing: 1,5.

- Đánh số trang theo thứ tự trang 1, 2, 3....., đánh số giữa trang giấy, font Arial, size 8.
- Tối đa 15 trang A4 (không kể phần tài liệu tham khảo)
- Đặt tên file bài làm: ***Mã lớp học phần_Nhóm_MSSV_Ho va ten SV_Tên học phần***
- Lưu ý: Sinh viên chuyển file dạng PDF để tránh lỗi format khi nộp bài.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA ĐIỀU DƯỠNG



TIỂU LUẬN

HỌC PHẦN: GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE
TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE
VỀ “.....”

(In hoa, in đậm, Times New Roman 16)

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên (Học vị. Họ và tên):

(chữ in đậm, font chữ

Times New Roman, cỡ chữ 13)

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Họ và tên:

(chữ in đậm, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13)

MSSV:

(chữ thường, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13)

Lớp:

(chữ thường, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng...năm 2024

Rubric và thang điểm

STT	Nội dung		Điểm chuẩn	SV chấm	GV chấm
Tiểu luận			160		
Nội dung	1	Tên đề tài tiểu luận (Vấn đề sức khỏe của cá nhân/cộng đồng)	10		
	2	Đặt vấn đề	20		
	3	Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe về “ <i>chăm sóc và phòng ngừa bệnh “răng miệng” / “...” cho nhóm,....</i> ”	110		
	3.1	Đối tượng truyền thông - giáo dục sức khỏe	10		
	3.2	Mục tiêu giáo dục sức khỏe (đáp ứng đầy đủ theo 4 yếu tố ABCD)	20		
	3.3	Các nội dung chủ yếu	30		
	3.4	Địa điểm thời gian	5		
	3.5	Phương pháp GDSK (trực tiếp, gián tiếp)	10		
	3.6	Phương tiện truyền thông	10		
	3.7	Đánh giá hiệu quả giáo dục sức khỏe dựa vào mục tiêu	10		
	3.8	Người thực hiện / người phối hợp	5		
	3.9	Nguồn lực	10		
	4.0	Đánh giá khác: format, chính tả, tài liệu tham khảo.	20		
5. Thuyết trình			40		
5.1 Nội dung			10		
5.2 Phong cách trình bày			10		
5.3 Kỹ năng giao tiếp			5		
5.4 Hình thức slide báo cáo			5		
5.5 Trả lời câu hỏi			10		
TỔNG CỘNG			200		

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2024
Giảng viên ra đề

Mục lục